

Số: 219/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014,*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 2. Ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp**

1. Trường hợp đầu tư vốn nhà nước để thành lập mới doanh nghiệp nhà nước:

a) Doanh nghiệp nhà nước thành lập mới, căn cứ số vốn nhà nước thực cấp (đối với doanh nghiệp thành lập mới không có dự án đầu tư xây dựng), vốn nhà nước đã cấp theo quyết toán công trình hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với doanh nghiệp thành lập mới trên cơ sở bàn giao dự án đầu tư xây dựng) để ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Trường hợp vốn đầu tư thực tế của Nhà nước thấp hơn mức vốn điều lệ đã đăng ký khi thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi thành lập bằng mức vốn thực tế đã đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

b) Trường hợp việc đầu tư vốn điều lệ cho doanh nghiệp theo mức đã được phê duyệt trong đề án thành lập được chia thành nhiều lần, theo từng giai đoạn, thì doanh nghiệp điều chỉnh lại mức vốn điều lệ thực góp trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

2. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động:

Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động có tiếp nhận tài sản từ nơi khác chuyển đến được đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước (hỗ trợ di dời, sắp xếp lại, xử lý nhà đất, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp căn cứ vào quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền và biên bản bàn giao tài sản, quyết toán tiền hỗ trợ của nhà nước (phần thực hiện dự án đầu tư) thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ thực góp trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

3. Trường hợp đầu tư vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung thêm vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi nhà nước đã thực hiện đầu tư bổ sung vốn (kể cả trường hợp sử dụng cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước để đầu tư bổ sung); hoặc trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sử dụng các nguồn lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển,

thặng dư vốn cổ phần (đối với công ty cổ phần), nguồn quỹ khác, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện có trách nhiệm yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu (giá trị thuộc phần vốn nhà nước đầu tư tăng thêm tại công ty), đồng thời có thông báo bằng văn bản tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước đã đầu tư (thực góp) tại công ty và số lượng cổ phiếu do cổ đông nhà nước nắm giữ (đối với đầu tư vào công ty cổ phần) sau khi công ty tăng vốn điều lệ và gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu để theo dõi quản lý.

### **Điều 3. Chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, trong đó, đối với trường hợp chuyển nhượng vốn (chuyển nhượng cổ phiếu) nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom theo phương thức thỏa thuận thì giá bán thỏa thuận phải đảm bảo trong biên độ giá giao dịch (giới hạn giao động giá) của mã chứng khoán tại ngày chuyển nhượng, nhưng không thấp hơn giá cổ phiếu được xác định theo giá trị sổ sách của công ty cổ phần có mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch, căn cứ vào tổng giá trị vốn chủ sở hữu chia (:) cho vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm chuyển nhượng.

### **Điều 4. Quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp nhà nước**

Việc quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng các loại tài sản của doanh nghiệp; Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong doanh nghiệp, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp có tài sản đặc thù như vật nuôi, cây trồng, thiết bị có nguồn phóng xạ, chất độc hại và tài sản đặc thù khác, quá trình quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ các quy định, quy trình, quy phạm về kỹ thuật của cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành.

3. Bảo toàn vốn của doanh nghiệp nhà nước: doanh nghiệp áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP để bảo toàn vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Trong đó:

a) Việc trích lập các khoản dự phòng rủi ro: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Lãi, lỗ của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác trừ (-) tổng các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng theo qui định). Nếu số chênh lệch dương doanh nghiệp có lãi, nếu số chênh lệch âm doanh nghiệp bị lỗ, nếu không có chênh lệch doanh nghiệp không phát sinh lãi, lỗ.

c) Việc quản lý, xác định doanh thu, thu nhập khác và chi phí để xác định lãi, lỗ (kết quả kinh doanh) của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

#### **Điều 5. Quản lý vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn**

Việc quản lý vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Doanh nghiệp nhà nước đầu tư vốn tại công ty cổ phần, trường hợp công ty cổ phần sử dụng các nguồn quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, nguồn quỹ khác để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp có trách nhiệm yêu cầu công ty cổ phần ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu (giá trị thuộc phần vốn doanh nghiệp nhà nước đầu tư tăng thêm tại công ty), đồng thời có thông báo bằng văn bản tổng giá trị thực tế phần vốn doanh nghiệp nhà nước đã đầu tư (thực góp) tại công ty và số lượng cổ phiếu do cổ đông là doanh nghiệp nhà nước nắm giữ sau khi công ty tăng vốn điều lệ và gửi đến chủ sở hữu vốn (doanh nghiệp nhà nước) để theo dõi, quản lý.

2. Đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hàng năm doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm phê duyệt báo cáo tài chính và quyết định việc phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế, thu lợi nhuận sau thuế tại các công ty con theo quy chế tài chính đã được phê duyệt. Trường hợp vốn chủ sở hữu tại công ty con lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt thì doanh nghiệp nhà nước thực hiện điều chuyển khoản chênh lệch về doanh nghiệp nhà nước (thông qua việc điều chuyển số dư Quỹ đầu tư phát triển hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại

công ty con) và hạch toán là khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

## **Điều 6. Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp**

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và hướng dẫn sau:

1. Chuyển nhượng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên:

a) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mua lại phần vốn góp của mình thì thực hiện bán thỏa thuận theo quy định tại Điều 52 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Giá bán thỏa thuận xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì phải thực hiện theo Điều 53 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, trong đó:

- Nếu chuyển nhượng cho các thành viên khác trong công ty thì thực hiện thỏa thuận giá chuyển nhượng với các thành viên khác. Việc xác định giá bán thỏa thuận trên cơ sở kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

- Nếu chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì thực hiện phương thức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Khi doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng vốn theo phương thức đấu giá công khai có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên, thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán, trường hợp giá trị vốn chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì có thể thuê tổ chức tài chính trung gian bán đấu giá, tự tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, hoặc thực hiện đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán.

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện bán thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư trong trường hợp bán đấu giá công khai không thành công (chỉ có một nhà đầu tư đăng ký mua phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước).

Việc xác định giá khởi điểm khi tổ chức bán đấu giá và làm cơ sở khi bán thỏa thuận thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

2. Chuyển nhượng vốn tại Công ty cổ phần:

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài tại công ty cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-

CP; trong đó, khi chuyển nhượng vốn (chuyển nhượng cổ phiếu) của doanh nghiệp tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán hoặc đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom theo phương thức thỏa thuận thì giá thỏa thuận phải đảm bảo trong biên độ giá giao dịch (giới hạn giao động giá) của mã chứng khoán tại ngày chuyển nhượng, nhưng không thấp hơn giá cổ phiếu được xác định theo giá trị sổ sách của công ty cổ phần có mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch, căn cứ vào tổng giá trị vốn chủ sở hữu chia (:) cho vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm chuyển nhượng.

3. Xử lý tiền thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước:

a) Tiền thu được do chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (kể cả chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn) sau khi trừ giá trị vốn đã đầu tư của doanh nghiệp, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định, số tiền còn lại được xác định vào thu nhập hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

b) Trường hợp nếu khoản tiền thu được từ chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn) không đủ bù đắp giá trị vốn đã đầu tư ghi trên sổ kế toán của doanh nghiệp và khoản dự phòng đã trích lập (nếu có), doanh nghiệp được hạch toán phần còn thiếu vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

### **Điều 7. Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại doanh nghiệp nhà nước**

1. Doanh nghiệp nhà nước phải tổ chức kiểm kê thực tế để xác định số lượng các loại tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp (kể cả cây trồng, vật nuôi, đàn gia súc); số lượng cổ phiếu doanh nghiệp nhận được mà không phải thanh toán tiền; đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

a) Thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;

b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;

c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của doanh nghiệp nhà nước;

d) Theo chủ trương của Nhà nước.

2. Xử lý kết quả kiểm kê:

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước quyết định mức bồi thường và chịu trách

nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể.

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản, công nợ không được xử lý thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của doanh nghiệp.

### **Điều 8. Phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp nhà nước**

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp vừa phát sinh lỗ sản xuất, kinh doanh được chuyển sang năm tiếp sau (thu nhập chịu thuế âm), vừa phát sinh lợi nhuận (lãi) do có khoản thu nhập không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc có lỗ lũy kế từ năm trước được chuyển trừ vào thu nhập chịu thuế của năm tiếp theo theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ được sử dụng phần chênh lệch lợi nhuận còn lại trong năm tài chính sau khi đã trừ số lỗ nêu trên để thực hiện phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên xác định như sau:

a) Về xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi doanh nghiệp nhà nước: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của

doanh nghiệp được xác định theo quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) chia (:) cho 12 tháng.

- Đối với trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), chia (:) cho 12 tháng.

### **Điều 9. Xây dựng kế hoạch tài chính**

Việc xây dựng kế hoạch tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và quy định sau:

1. Định kỳ hàng năm cùng thời gian các Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tài chính của năm tiếp theo gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 31/7 hàng năm để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước. Căn cứ lập, trình tự xây dựng kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

2. Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Phụ lục 1A “Báo cáo Kế hoạch Tài chính” ban hành kèm theo Thông tư này. Trong đó: Mẫu số 01- báo cáo công ty mẹ; Mẫu số 02- báo cáo hợp nhất của Tập đoàn, Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo và tổng hợp báo cáo**

Doanh nghiệp phải thực hiện chế độ lập, trình bày, gửi các báo cáo (định kỳ, đột xuất) đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và theo quy định sau:

1. Báo cáo định kỳ, gồm:

a) Báo cáo Tài chính: cuối kỳ kế toán quý, năm, doanh nghiệp phải thực hiện lập báo cáo tài chính quý, năm của doanh nghiệp (doanh nghiệp là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con thực hiện lập báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con). Báo cáo tài chính quý, năm doanh nghiệp lập dạng đầy đủ.



Biểu mẫu, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo, doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành;

b) Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán:

Khi lập báo cáo Tài chính quý, năm, doanh nghiệp nhà nước lập Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính quý, năm của doanh nghiệp. Thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo cùng với thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Phụ lục 1B “Biểu mẫu chỉ tiêu ngoại bảng” ban hành kèm theo Thông tư này. Trong đó: Mẫu 01- Chỉ tiêu ngoại bảng - công ty mẹ; Mẫu số 02- Chỉ tiêu ngoại bảng - Hợp nhất.

c) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Định kỳ hàng Quý, trước ngày 05 của tháng đầu Quý sau, doanh nghiệp hoàn thành việc lập và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Biểu mẫu báo cáo doanh nghiệp lập theo Phụ lục 1C ban hành kèm theo Thông tư này.

- Riêng đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (không phân biệt cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc được giao quản lý) sau khi xây dựng kế hoạch tài chính (theo Điều 9 Thông tư này) và lập báo cáo tình hình thực hiện nêu trên, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế để tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình tình chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Báo cáo về tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp

Định kỳ hàng Quý, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con (không phân biệt cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc được giao quản lý), cập nhật tình hình, số liệu thực hiện tái cơ cấu đến ngày 15 của tháng cuối quý và hoàn thành việc lập và gửi các báo cáo sau đây đến cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Cục Tài chính doanh nghiệp-Bộ Tài chính trước ngày 20 của tháng cuối quý:

- Báo cáo về tình hình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước lập theo Phụ lục 2A (gồm 03 mẫu 01, 02 và 03) ban hành kèm theo Thông tư này.

- Báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại doanh nghiệp nhà nước lập theo Phụ lục 2B ban hành kèm theo Thông tư này.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ của nhóm doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con, doanh nghiệp độc lập thuộc phạm vi quản lý theo phụ lục nêu trên và gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 của tháng kết

thúc quý để tổng hợp chung toàn quốc báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015.

## 2. Báo cáo đột xuất:

Ngoài các báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước. Nội dung (biểu mẫu), thời hạn báo cáo căn cứ vào yêu cầu cụ thể của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp thực hiện gửi các báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này đến cơ quan nhận báo cáo theo đường văn thư, đồng thời gửi thông qua việc truy cập vào hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp trên website tại địa chỉ : <http://soe.mof.gov.vn> hoặc <http://dnmn.mof.gov.vn>. Tài khoản và mật khẩu để đăng nhập của cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp thực hiện như sau:

Đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu: phân công một đơn vị trực thuộc quản lý để giao một cá nhân phụ trách tài khoản và mật khẩu đăng nhập do Bộ Tài chính cung cấp.

Đối với doanh nghiệp: tài khoản đăng nhập là mã số thuế của doanh nghiệp, mật khẩu sẽ được hệ thống gửi về địa chỉ thư điện tử doanh nghiệp đã đăng ký với Bộ Tài chính.

Riêng báo cáo tài chính và báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp gửi đến cơ quan nhận báo cáo thông qua việc truy cập vào hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp là báo cáo tài chính và báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của năm và 6 tháng của doanh nghiệp.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp mất mật khẩu hoặc không đăng nhập được vào hệ thống, cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp thông báo kịp thời về Cục Tài chính doanh nghiệp-Bộ Tài chính để hỗ trợ xử lý.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm đôn đốc việc đơn vị báo cáo thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nêu trên. Trường hợp trong năm, doanh nghiệp không thực hiện báo cáo hoặc chậm nộp báo cáo mà không có lý do chính đáng, cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ xem xét việc chấp hành chế độ báo cáo của doanh nghiệp khi thực hiện xếp loại doanh nghiệp năm đó.

### Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2016 và thay thế Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Việc trích lập khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp; xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, trích lập các khoản dự phòng thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập quỹ của doanh nghiệp kể từ năm tài chính 2015 trở đi thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ quy định về mức trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp bằng hai tháng lương thực tế thực hiện trong năm tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 178/2014/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, bổ sung và sửa đổi./.

Nơi nhận: *Mh*

- Thủ tướng, các Phó TTCP;
- VPTW và các Ban của Đảng;
- VP Quốc Hội;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website Chính phủ; Công báo;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước; Các Tổng công ty Nhà nước; VCCI; Hội kế toán và Kiểm toán VN; Hội Kiểm toán viên hành nghề VN;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Trần Văn Hiếu

